



Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

DANH MỤC >

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 24 tháng 7 năm
2020

[ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

4,024,492

72,219 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

143,868

1.113 Ca Tử Vong Mới*

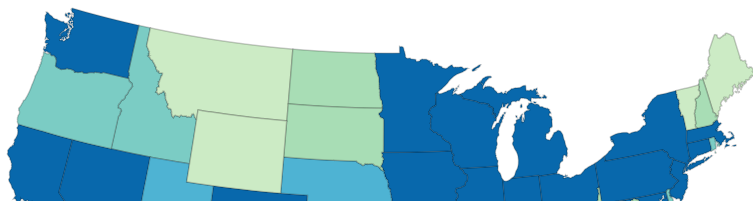
Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

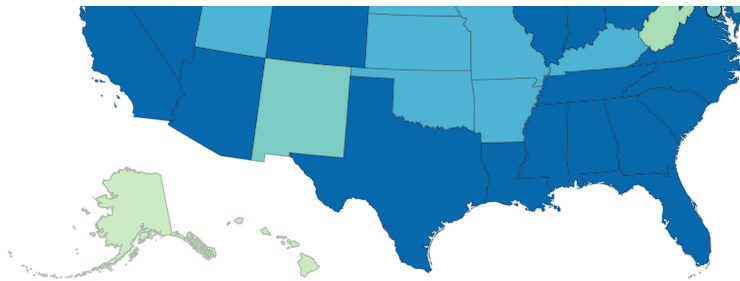
Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000

☐ 1,001 đến 5,000



- ☐ 5,001 đến 10,000
- ☐ 10,001 đến 20,000
- ☐ 20,001 đến 40,000
- ☐ 40.001 trở lên

AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	72,827	1,517	74,344
☐ Alaska	N/A	N/A	2,192
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	152,944	0	152,944
☐ Arkansas	N/A	N/A	36,259
☐ California	N/A	N/A	425,616
☐ Colorado	39,163	3,151	42,314
☐ Connecticut	46,213	2,019	48,232
☐ Delaware	12,933	991	13,924
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	11,571
☐ Florida	N/A	N/A	385,091
☐ Georgia	N/A	N/A	156,588
☐ Guam	N/A	N/A	337
☐ Hawaii	N/A	N/A	1,389
☐ Idaho	15,706	1,030	16,736
☐ Illinois	166,925	1,175	168,100
☐ Indiana	N/A	N/A	59,602
☐ Iowa	N/A	N/A	40,635
☐ Kansas	23,586	518	24,104
☐ Kentucky	23,882	1,265	25,147
☐ Louisiana	N/A	N/A	101,650
☐ Maine	3,358	400	3,758
☐ Marshall Islands	N/A	N/A	0
☐ Maryland	N/A	N/A	81,766
☐ Massachusetts	107,683	6,964	114,647
☐ Michigan	75,947	8,484	84,431
☐ Micronesia	N/A	N/A	0
☐ Minnesota	N/A	N/A	49,490
☐ Mississippi	49,050	613	49,663

☐ Missouri 	N/A	N/A	37,700
☐ Montana 	3,037	0	3,037
☐ Nebraska 	N/A	N/A	23,818
☐ Nevada 	N/A	N/A	40,140
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	6,318
☐ New Jersey 	N/A	N/A	177,887
☐ New Mexico 	N/A	N/A	18,163
☐ New York 	N/A	N/A	186,865
☐ New York City 	219,641	4,634	224,275
☐ North Carolina 	N/A	N/A	106,893
☐ North Dakota 	N/A	N/A	5,614
☐ Northern Marianas 	38	0	38
☐ Ohio 	75,819	4,367	80,186
☐ Oklahoma 	27,979	242	28,221
☐ Oregon 	14,900	813	15,713
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	102,602	2,969	105,571
☐ Puerto Rico 	4,794	9,173	13,967
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	18,148
☐ South Carolina 	76,315	291	76,606
☐ South Dakota 	N/A	N/A	8,143
☐ Tennessee 	86,117	870	86,987
☐ Texas 	N/A	N/A	361,125
☐ Utah 	36,598	291	36,889
☐ Vermont 	N/A	N/A	1,377
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	342
☐ Virginia 	79,253	3,111	82,364
☐ Washington 	N/A	N/A	50,009
☐ West Virginia 	5,420	130	5,550
☐ Wisconsin 	45,899	3,770	49,669
☐ Wyoming 	1,923	424	2,347

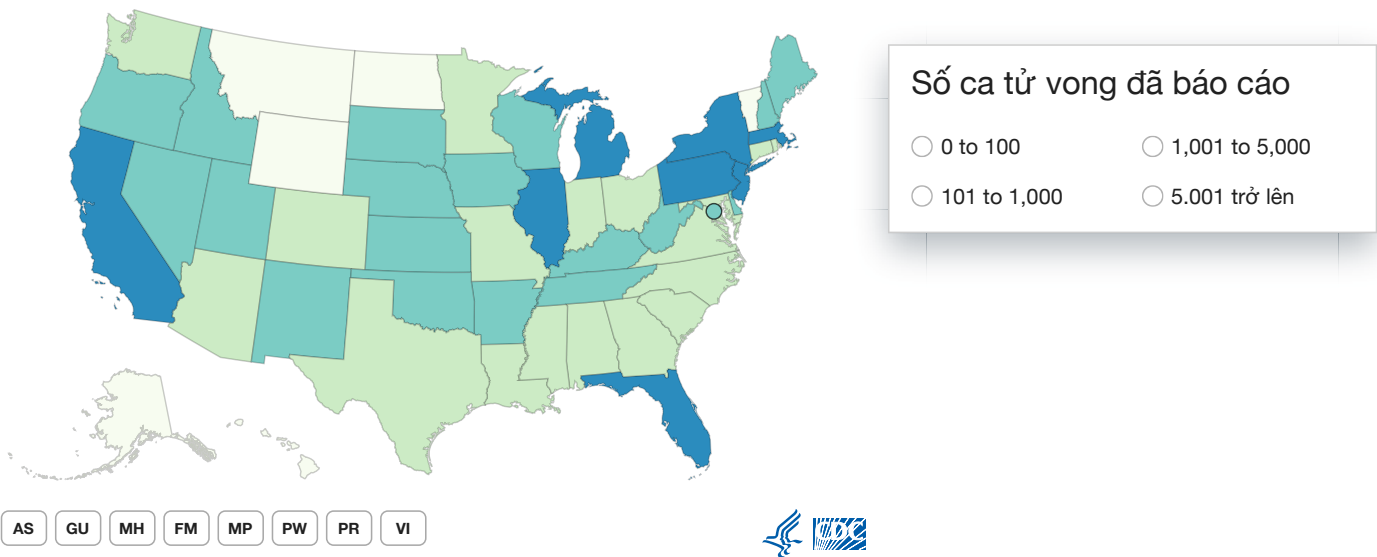
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang
Web của Quý Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Khu vực phân quyền			
Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
☐ Alabama	1,362	37	1,399
☐ Alaska	N/A	N/A	19
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	3,063	0	3,063
☐ Arkansas	N/A	N/A	386
☐ California	N/A	N/A	8,027
☐ Colorado	1,450	336	1,786
☐ Connecticut	3,530	880	4,410
☐ Delaware	471	58	529
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	581
☐ Florida	N/A	N/A	5,518
☐ Georgia	N/A	N/A	3,360
☐ Guam	N/A	N/A	5
☐ Hawaii	N/A	N/A	26
☐ Idaho	117	21	138
☐ Illinois	7,367	193	7,560
☐ Indiana	2,683	197	2,880
☐ Iowa	N/A	N/A	818
☐ Kansas	N/A	N/A	308
☐ Kentucky	680	4	684

☐ Louisiana 	3,574	112	3,686
☐ Maine 	N/A	N/A	118
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,293	129	3,422
☐ Massachusetts 	8,265	219	8,484
☐ Michigan 	6,148	247	6,395
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,566	40	1,606
☐ Mississippi 	1,428	35	1,463
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,179
☐ Montana 	45	0	45
☐ Nebraska 	N/A	N/A	316
☐ Nevada 	N/A	N/A	735
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	405
☐ New Jersey 	13,810	1,920	15,730
☐ New Mexico 	N/A	N/A	596
☐ New York 	N/A	N/A	8,807
☐ New York City 	18,836	4,629	23,465
☐ North Carolina 	N/A	N/A	1,726
☐ North Dakota 	N/A	N/A	99
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	2,997	259	3,256
☐ Oklahoma 	477	0	477
☐ Oregon 	269	4	273
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	N/A	N/A	7,101
☐ Puerto Rico 	90	101	191
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	1,001
☐ South Carolina 	1,294	40	1,334
☐ South Dakota 	119	2	121
☐ Tennessee 	891	34	925
☐ Texas 	N/A	N/A	4,521
☐ Utah 	267	0	267
☐ Vermont 	N/A	N/A	56
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	7
☐ Virginia 	1,964	103	2,067
☐ Washington 	N/A	N/A	1,482
☐ West Virginia 	N/A	N/A	103
☐ Wisconsin 	878	7	885

☐ Alabama	25	0	25
☐ Wyoming	25	0	25

New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

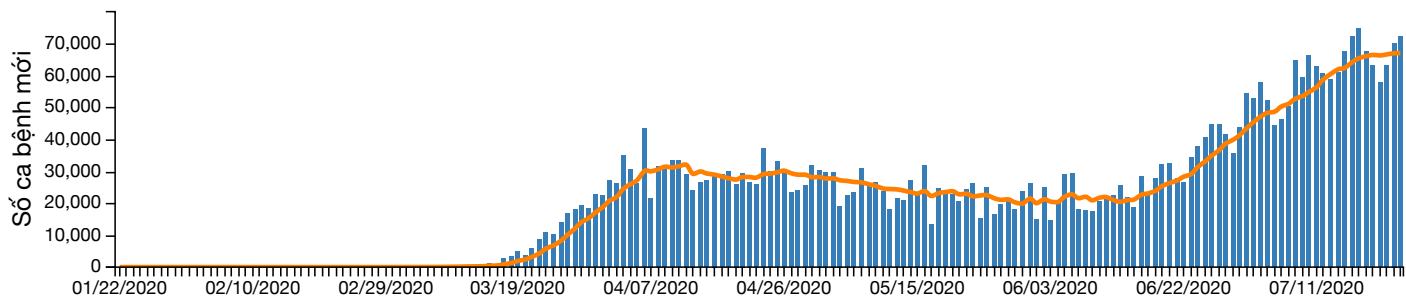
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#)

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



☐ Ca Bệnh ☐ Trung bình 7 ngày [Cài đặt lại](#)

Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1	1	1	

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.075.235 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 657.354 (21,4%) người. Trong số 109.602 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 74.028 (67,5%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

109.602

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

562

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối ngày 24 tháng 7 năm 2020, 03:00 Chiều
Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)